TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1

Số: 02/2026/TXL-TĐG/PTC1-TCKT
V/v: Đề nghị cung cấp báo giá dịch vụ thẩm định giá VTTB thanh lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Hiện nay, Công ty Truyền tải điện 1 đang có nhu cầu thanh lý tài sản là các VTTB thu hồi, cũ hỏng không cần dùng. Để đảm bảo đúng theo quy định và có căn cứ làm thủ tục thanh lý tài sản, Công ty Truyền tải điện 1 cần lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện để thẩm định giá tài sản.

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ đơn vị có tài sản thẩm định giá: Công ty Truyền tải điện 1.

2. Tên tài sản thẩm định giá: VTTB không cần dùng chờ thanh lý.

(Có phụ lục kèm theo)

3. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá trị tài sản làm cơ sở bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá:

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải doanh nghiệp có tên trong danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản theo thông báo gần nhất của Bộ Tài chính;
- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn không thuộc trường hợp không được thẩm định giá theo quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024; Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024, Thông tư số 36/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật về thẩm định giá;
- Doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 03 năm trở lên;
- Thẩm định viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật giá và qui định của pháp luật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực thẩm định giá; doanh nhiệp thẩm định giá có uy tín, …
- Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (đã bao gồm thuế, các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá);
- Các tiêu chí khác: Cung cấp chứng thư theo quy định và chịu trách nhiệm về giá thẩm định.

5. Hồ sơ gồm có:

TT	Tiêu chí bắt buộc	Yêu cầu
1	Hồ sơ pháp lý	- Được thành lập theo đúng quy định của pháp luật (Có bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập, Chứng chỉ hành nghề,…). - Bản sao Thông báo danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động của Bộ tài chính gần nhất.
2	Năng lực, kinh nghiệm	- Có đủ 3 năm kinh nghiệm trở lên (Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2026)
3	Nhân sự	Bản sao chứng chỉ của Thẩm định viên tham gia thẩm định giá.
4	Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá	Giá thẩm định là giá trọn gói (đã bao gồm thuế, các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá)
5	Các tiêu chí khác	Cung cấp chứng thư theo quy định chịu trách nhiệm về giá thẩm định.

6. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ báo giá thẩm định giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ báo giá thẩm định giá là 07 ngày kể từ ngày hiệu lực đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty Truyền tải điện 1 (https://ptc1.com.vn)

- Địa điểm nhận hồ sơ báo giá tham gia thẩm định giá:

+ Công ty Truyền tải điện 1;

+ Số 15 Phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

+ Số điện thoại liên hệ: 024 22100253

7. Một số lưu ý:

- Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày 18/11/2026.

- Các đơn vị nộp chậm hồ sơ báo giá sau 07 ngày kể từ ngày hiệu lực nói trên sẽ không được chấp nhận.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0102743068-005-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1 - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Phúc An

TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1

PHỤ LỤC DANH MỤC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2026

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
1	2.55.31.000.000.00.AXX	Thanh đồng	Kg	21,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
2	2.55.61.000.000.00.GXX	Đồng bản các loại	Kg	3,46	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
3	2.55.81.000.000.00.GXX	Dây đồng các loại	Kg	60,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
4	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	17,55	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
5	2.55.81.095.000.00.GXX	Dây đồng trần M 95	Kg	18,06	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
6	2.55.81.120.000.00.GXX	Dây đồng trần M 120	Kg	38,44	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
7	2.71.71.832.000.00.GXX	Ống nhôm D80/70, L=7m	Cái	5,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
8	2.71.71.842.000.00.GXX	Ống nhôm D80/70, L=11m	Cái	18,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
9	3.02.75.195.000.00.GXX	Dây tiếp địa M95	Mét	157,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
10	3.06.60.110.000.00.GXX	Trụ đỡ thiết bị cao 1100 mm	Cái	17,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
11	3.06.61.113.000.00.AXX	Máng đỡ dây 185	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
12	3.06.62.610.000.00.GXX	Trụ đỡ Biến dòng điện 220kV	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
13	3.06.65.510.000.00.GXX	Trụ đỡ Sứ đỡ 110kV	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
14	3.06.66.530.000.00.GXX	Trụ đỡ Máy cắt 3 pha 110kV	Bộ	5,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
15	3.06.66.610.000.00.GXX	Trụ đỡ Máy cắt 1 pha 220kV	Bộ	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
16	3.06.66.630.000.00.GXX	Trụ đỡ Máy cắt 3 pha 220kV	Bộ	13,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
17	3.06.67.000.000.00.GXX	Trụ đỡ Dao cách ly	Bộ	43,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
18	3.06.67.531.000.00.GXX	Trụ đỡ Dao cách ly 3 pha 110kV 1 tiếp đất	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
19	3.06.67.630.000.00.GXX	Trụ đỡ Dao cách ly 3 pha 220kV không tiếp đất	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
20	3.06.67.710.000.00.GXX	Trụ đỡ Dao cách ly 1 pha 500kV không tiếp đất	Bộ	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
21	3.10.60.500.000.00.GXX	Sứ đỡ 110kV	Cái	10,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
22	3.10.60.600.000.00.GXX	Sứ đỡ 220kV	Bộ	14,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
23	3.10.74.201.000.00.GXX	Sứ xuyên 22kV MBA 110kV	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
24	3.10.74.600.000.00.GXX	Sứ xuyên 220kV	Cái	13,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
25	3.10.74.632.000.00.GXX	Sứ xuyên 245kV 800A COT 1050-800	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
26	3.10.74.763.000.00.GXX	Sứ đỡ kháng 110kV	Cái	12,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
27	3.10.74.922.000.00.GXX	Sứ xuyên trung tính	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
28	3.10.85.600.000.00.GXX	Cách điện Composite 300kN	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
29	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	1 288,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
30	3.10.90.697.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi sứ đỡ 220kV	Chuỗi	39,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
31	3.10.91.000.000.00.GXX	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	111,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
32	3.15.00.001.000.00.GXX	Cáp đồng phế liệu	Kg	4,72	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
33	3.15.27.805.000.00.GXX	Dây nhôm AAC 805 mm2	Mét	29,50	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
34	3.15.28.117.000.00.A15	Dây chống sét Phlox 116 mm2 vụn	Kg	108,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
35	3.15.28.310.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR vụn các loại	Kg	830,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
36	3.15.28.329.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 330/53 mm2 vụn	Kg	652,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
37	3.15.28.333.000.00.A15	Dây nhôm ACSR 330 mm2 vụn	Kg	908,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
38	3.15.28.398.000.00.GXX	Dây nhôm 400 mm2 vụn	Kg	500,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
39	3.15.28.500.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2	Kg	21,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
40	3.15.28.564.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2 vụn	Kg	494,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
41	3.15.33.410.000.00.GXX	Dây hợp kim nhôm lõi thép tăng cường siêu nhiệt loại có khe hở GZTACSR 410	Mét	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
42	3.15.42.121.000.00.D05	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1*120 mm2	Mét	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
43	3.15.44.004.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm2	Mét	60,60	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
44	3.15.44.006.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*6 mm2	Mét	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
45	3.15.50.010.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*10 mm2	Mét	110,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
46	3.15.55.003.000.00.GXX	Dây đồng bọc PVC 35mm2	Mét	41,80	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
47	3.15.55.051.000.00.GXX	Dây đồng bọc PVC 50mm2	Mét	47,20	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
48	3.15.55.095.VIE.00.GXX	Dây đồng bọc PVC 95mm2	Mét	1,70	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
49	3.15.56.215.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*1,5 mm2	Mét	139,80	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
50	3.15.56.715.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*1,5 mm2	Mét	156,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
51	3.15.57.215.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*1,5 mm2	Mét	149,40	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
52	3.15.57.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*1,5 mm2	Mét	14,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
53	3.15.57.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*2,5 mm2	Mét	174,20	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
54	3.15.57.515.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 24*1,5 mm2	Mét	331,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
55	3.20.23.004.000.00.GXX	Kẹp đầu sứ đỡ	Cái	7,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
56	3.20.28.430.000.00.A15	Khung định vị 4 dây ACSR 330 mm2	Cái	16,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
57	3.20.29.100.000.00.GXX	Kẹp giãn cách	Cái	12,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
58	3.20.29.200.000.00.GXX	Kẹp định vị 2 dây	Cái	177,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
59	3.20.66.000.000.00.GXX	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	1 182,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
60	3.20.83.329.000.00.G01	Đầu cốt lèo dây ACSR 330 mm2	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
61	3.20.84.100.000.00.GXX	Kẹp cực máy Biến điện áp	Cái	20,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
62	3.20.84.208.000.00.GXX	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	44,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
63	3.20.84.700.000.00.GXX	Kẹp cực dao cách ly	Cái	149,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
64	3.20.86.000.000.00.GXX	Kẹp cực thiết bị	Cái	160,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
65	3.20.86.015.000.00.GXX	Kẹp cực thiết bị 110kV	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
66	3.20.86.222.000.00.AXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	12,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
67	3.20.86.222.000.00.GXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	156,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
68	3.20.86.373.000.00.AXX	Kẹp cực Biến dòng điện 245kV cho dây 1xACSR-500/64	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
69	3.20.87.200.000.00.GXX	Kẹp cực chữ T	Cái	20,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
70	3.20.87.301.000.00.GXX	Kẹp cực các loại	Cái	476,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
71	3.20.91.493.000.00.GXX	Kẹp cực Phía 220kV MBA 220kV	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
72	3.20.94.003.000.00.GXX	Kẹp nối ống nhôm với dây dẫn	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
73	3.34.50.023.000.00.GXX	khóa chuyển đổi 2 trạng thái	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
74	3.42.05.000.000.00.GXX	Dao cách ly 1 pha 123kV không tiếp đất	Bộ	13,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
75	3.42.05.011.000.00.GXX	Dao cách ly 1 pha 110kV 1 tiếp đất	Bộ	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
76	3.42.06.500.000.00.GXX	Dao cách ly 1 pha 245kV 1600A không tiếp đất	Bộ	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
77	3.42.06.501.000.00.GXX	Dao cách ly 1 pha 245kV 1600A 1 tiếp đất	Bộ	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
78	3.42.06.600.000.00.AXX	Dao cách ly 1 pha 245kV 2000A không tiếp đất	Bộ	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
79	3.42.07.601.000.00.GXX	Dao cách ly 1 pha 500kV 2000A 1 tiếp đất	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
80	3.42.15.000.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 110kV không tiếp đất	Bộ	5,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
81	3.42.15.001.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 110kV 1 tiếp đất	Bộ	7,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
82	3.42.15.002.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 110kV 2 tiếp đất	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
83	3.42.15.412.000.00.C25	Dao cách ly 3 pha 123kV 1250A 2 tiếp đất	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
84	3.42.16.000.000.00.AXX	Dao cách ly 3 pha 220kV không tiếp đất	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
85	3.42.16.001.000.00.AXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 1 tiếp đất	Bộ	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
86	3.42.16.002.000.00.AXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 2 tiếp đất	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
87	3.42.16.002.IND.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 220kV 2 tiếp đất	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
88	3.42.16.401.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A 1 tiếp đất	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
89	3.42.16.402.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A 2 tiếp đất	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
90	3.42.70.160.000.00.GXX	Tủ hợp bộ dao phụ tải 24kV	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
91	3.42.70.210.000.00.GXX	Tủ hợp bộ máy cắt 24kV	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
92	3.42.71.243.000.00.AXX	Máy cắt SF6 1 pha 245kV 2000A 40kA	Bộ	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
93	3.42.71.587.000.00.GXX	Máy cắt SF6 1 pha 550kV 4000A 63kA/3s loại GL317XD, truyền động từng pha	Bộ	7,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
94	3.42.72.186.000.00.GXX	Phin lọc dầu	Cái	12,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
95	3.42.72.190.000.00.G01	Miếng lọc Teflon Filter	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
96	3.42.73.101.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 110kV	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
97	3.42.73.114.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 145kV 3150A	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
98	3.42.73.125.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 123kV 2000A 25kA	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
99	3.42.73.136.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 123kV 3150A 31,5kA	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
100	3.42.73.203.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 245kV 1600A	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
101	3.42.73.230.000.00.GXX	Máy cắt SF6 3 pha 245kV 31,5kA/1s	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
102	3.42.88.229.000.00.GXX	Chống sét van 22kV	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
103	3.42.89.109.000.00.GXX	Chống sét van 110kV	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
104	3.50.03.052.000.00.GXX	Rơ-le quá dòng P127 (ALSTOM)	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
105	3.50.03.526.000.00.AXX	Rơ-le quá dòng 7SJ 6225 (Siemens)	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
106	3.50.56.000.000.00.GXX	Rơ-le trung gian	Cái	39,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
107	3.50.76.025.000.00.GXX	Rơ le áp lực đột biến	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
108	3.50.90.006.000.00.GXX	Rơ-le tự đóng lại 7VK512 Siemens	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
109	3.53.83.251.000.00.AXX	Biến dòng điện 35kV 1600-2500/1/1A	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
110	3.53.83.406.000.00.GXX	Biến dòng điện 38,5kV 2000-3000/1A Cl.5P20 -30VA	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
111	3.53.85.002.000.00.GXX	Biến dòng điện 123kV 25kA/1s	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
112	3.53.85.083.000.00.GXX	Biến dòng điện 123kV 200-400-800/1A	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
113	3.53.85.580.000.00.G05	Máy biến dòng điện 110kV	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
114	3.53.86.009.000.00.GXX	Biến dòng điện 220kV	Cái	17,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
115	3.53.86.203.000.00.AXX	Biến dòng điện 245kV 800-1200-2000/1/1/1/1/1A	Cái	8,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
116	3.53.95.009.000.00.GXX	Biến dòng điện 123kV	Cái	17,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
117	3.56.93.000.000.00.GXX	Biến điện áp 35kV	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
118	3.56.95.008.000.00.GXX	Biến điện áp 110kV kiểu CVE 145/650/50	Cái	15,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
119	3.56.95.009.000.00.GXX	Biến điện áp 123kV	Cái	18,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
120	3.56.95.028.000.00.GXX	Biến điện áp 123kV 115kV:sqrt(3)/ 110V:sqrt(3)/ 110V:sqrt(3)	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
121	3.56.95.034.000.00.GXX	Biến điện áp 110kV WN 145N2	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
122	3.56.95.809.000.00.G00	Máy biến điện áp 110kV	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
123	3.56.95.809.000.00.G05	Máy biến điện áp 110kV	Cái	13,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
124	3.56.96.018.000.00.GXX	Biến điện áp 245kV (class 0,5)	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
125	3.56.96.060.000.00.GXX	Biến điện áp 220kV	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
126	3.56.98.006.000.00.GXX	Bộ nguồn DC 12V	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
127	3.60.55.006.000.00.GXX	Công tơ điện tử	Cái	13,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
128	3.62.30.001.000.00.GXX	Đồng hồ đếm sét	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
129	3.62.99.240.000.00.GXX	Bộ nguồn 24 V Power Supply, 24-0546-01	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
130	3.82.63.000.000.00.GXX	Bo mạch	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
131	3.82.63.019.HUN.00.GXX	Bo mạch chủ lắp đặt cho máy Multitrans	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
132	3.82.63.200.000.00.GXX	Bộ chuyển mạch switch	Cái	5,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
133	3.90.00.000.000.00.GXX	Điện trở các loại	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
134	3.94.40.034.000.00.GXX	Switch mạng các loại	Cái	7,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
135	3.99.92.176.000.00.GXX	Thiết bị đồng bộ thời gian	Bộ	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
136	4.35.12.012.VIE.00.G01	Bu lông thép M12	Bộ	50,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
137	4.35.14.031.000.00.G05	Bu lông thép M14	Bộ	25,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
138	4.38.00.003.000.00.GXX	Bu lông, êcu, vòng đệm các loại	Kg	0,82	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
139	5.76.33.109.000.00.GXX	Máy biến áp tự dùng 35/0,4kV 250kVA	Máy	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
140	5.76.33.562.000.00.GXX	Máy biến áp tự dùng 35(22)/0,4kV 560KVA	Máy	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
141	5.76.97.036.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị mức dầu từ 0- 20 (bộ OLTC)	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
142	5.76.97.657.000.00.GXX	Đồng hồ đo áp suất	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
143	5.76.97.926.000.00.GXX	Bộ bơm dầu và tách khí	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
144	5.76.97.926.ENG.00.GXX	Bộ bơm dầu và tách khí	Bộ	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
145	5.76.98.299.000.00.GXX	Rơle hơi	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
146	5.76.99.004.000.00.GXX	Bộ thở silicagen	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
147	5.76.99.006.000.00.GXX	Bộ thở cho thùng dầu OLTC	Cái	7,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
148	5.76.99.100.000.00.GXX	Bộ lọc	Bộ	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
149	5.76.99.819.000.00.GXX	Bộ tản nhiệt 1.6 (Peltier Cooler)	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
150	5.76.99.819.ENG.00.GXX	Bộ tản nhiệt 1.6 (Peltier Cooler)	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
151	5.77.06.011.000.00.GXX	Kháng điện 110kV FHC 63410-300A	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
152	5.80.05.481.000.00.AXX	Tiếp điểm tĩnh loại 2000A	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
153	5.80.05.509.000.00.GXX	Tiếp điểm tĩnh DCL 500kV	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
154	5.80.05.615.000.00.AXX	Thanh dẫn dòng tiếp điểm tĩnh DCL 500kV	Cái	8,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
155	5.80.07.555.000.00.GXX	Tủ truyền động DCL 123kV	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
156	5.80.07.576.000.00.GXX	Tủ truyền động dao tiếp địa của DCL 110kV 1 pha	Cái	11,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
157	5.80.09.370.000.00.GXX	Lưỡi DCL 500kV- 2000A 1 pha	Bộ	16,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
158	5.80.10.355.000.00.GXX	Cuộn đóng, cắt MC 500kV	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
159	5.80.11.210.000.00.GXX	Trụ cực MC 110kV	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
160	5.80.12.000.000.00.GXX	Cảm biến dòng khí	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
161	5.80.12.204.000.01.GXX	Trụ cực MC 245 kV Siemens	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
162	5.80.12.227.000.00.GXX	Trụ cực MC 220kV	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
163	5.80.12.639.000.00.GXX	Van điện khí Field Service Gas	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
164	5.80.14.126.000.00.GXX	Động cơ tích năng MC	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
165	5.80.14.913.000.00.GXX	Sàn thao tác MC	Cái	6,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
166	5.80.15.400.000.00.GXX	Xe nâng máy cắt hợp bộ 24kV	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
167	5.80.25.441.000.00.D05	Vỏ tủ máy cắt hộp bộ 24kV	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
168	5.96.10.403.000.00.G00	Bàn phím+ chuột máy vi tính	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
169	5.96.10.600.000.00.G00	Ram máy vi tính	Cái	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
170	5.96.11.200.000.00.G00	Màn hình máy vi tính	Cái	3,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
171	8.35.55.104.000.00.GXX	Vỏ bình khí	Cái	38,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
172	8.60.83.156.000.00.G01	Đồng hồ đo mức dầu	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
173	8.75.80.903.000.00.GXX	Bộ phân tích khí PGA 18	Bộ	5,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
174	8.88.45.006.000.00.GXX	Quạt 24V	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
175	8.88.45.006.HUN.00.GXX	Quạt 24V	Cái	2,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X93
176	1.71.87.008.000.00.GXX	Hạt hấp thụ trong máy cắt	Kg	9,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
177	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	49,10	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
178	4.88.65.000.000.00.GXX	Gioăng cao su các loại	Cái	5,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
179	4.88.80.000.000.00.GXX	Gioăng cao su các loại của máy biến áp	Bộ	14,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
180	4.88.85.501.000.00.GXX	Gioăng cao su các loại của 1 pha máy cắt 500kV	Bộ	9,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
181	4.94.75.004.000.00.GXX	Cửa đi nhựa	Cái	1,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
182	4.94.75.007.000.00.GXX	Cửa sổ nhựa	Cái	3,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
183	5.12.04.000.000.00.GXX	Lốp xe ôtô	Cái	22,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
184	5.80.14.126.000.00.GXX	Động cơ tích năng MC	Cái	1,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
185	5.80.14.471.000.00.GXX	Cuộn đóng cắt các loại	Cái	6,00	Đội SCTNĐ1, số 471 đường Tam Trinh, phường Mai Động, Hà Nội	XC3
186	3.15.28.398.000.00.GXX	Dây nhôm 400 mm2 vụn	Kg	224 000,00	TTĐ Tây Bắc 1, khu 1 phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ	XDN
187	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	115,40	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
188	2.05.00.002.VIE.00.G01	Sắt phế liệu	Kg	1,50	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
189	2.46.09.001.000.00.GXX	Cùi sứ 160	Cái	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
190	2.46.09.004.CHN.00.G01	Cùi sứ U 300	Cái	21,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
191	2.46.09.008.000.00.GXX	Củ sứ U210	Cái	21,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
192	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	1,34	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
193	3.10.85.000.000.00.GXX	Cách điện Composite	Cái	27,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
194	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	459,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
195	3.10.87.246.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 120kN	Cái	102,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
196	3.10.87.716.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh U-300	Cái	468,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
197	3.10.89.650.000.00.GXX	Chuỗi néo dây cáp quang	Chuỗi	2,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
198	3.15.28.002.000.00.GXX	Dây chống sét TK 70	Kg	309,30	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
199	3.15.28.117.000.00.GXX	Dây chống sét Phlox 116 mm2 vụn	Kg	495,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
200	3.15.34.001.000.00.GXX	Dây cáp quang OPGW vụn	Kg	625,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
201	3.15.41.070.000.00.GXX	Dây chống sét TK 70 mm2	Kg	162,80	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
202	3.15.56.460.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*6 mm2	Mét	5,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
203	3.20.60.020.000.00.GXX	Khóa néo dây chống sét	Cái	2,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
204	3.20.65.804.000.00.GXX	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	50,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
205	5.76.97.200.000.00.GXX	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
206	8.88.51.611.000.00.GXX	Máy tính HMI	Bộ	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDR
207	3.15.28.301.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR 300/39 mm2	Kg	100 000,00	TTĐ Thanh Hóa, số 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa	XDZ
208	2.05.00.002.000.00.BXX	Sắt phế liệu	Kg	16 364,24	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
209	2.46.09.000.000.00.GXX	Cùi sứ các loại	Cái	4 050,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
210	2.55.81.003.000.00.GXX	Đồng phế liệu	Kg	165,39	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
211	2.71.00.001.000.00.BXX	Nhôm phế liệu	Kg	83,38	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
212	3.10.74.922.000.00.GXX	Sứ xuyên trung tính	Cái	1,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
213	3.15.44.003.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*2,5 mm2	Mét	3 032,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
214	3.15.44.004.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm2	Mét	4 313,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
215	3.15.44.006.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*6 mm2	Mét	1 183,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
216	3.15.44.010.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*10 mm2	Mét	1 366,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
217	3.15.50.010.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*10 mm2	Mét	768,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
218	3.15.52.016.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 3*16 + 1*10 mm2	Mét	391,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
219	3.15.56.215.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 2*1,5 mm2	Mét	96,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
220	3.15.56.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*1,5 mm2	Mét	743,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
221	3.15.56.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm2	Mét	6 475,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
222	3.15.56.440.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*4 mm2	Mét	4 482,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
223	3.15.56.460.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*6 mm2	Mét	6 352,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
224	3.15.56.480.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 4*8 mm2	Mét	186,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
225	3.15.56.515.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 5*1,5 mm2	Mét	381,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
226	3.15.56.525.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 5*2,5 mm2	Mét	513,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
227	3.15.56.715.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*1,5 mm2	Mét	6 298,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
228	3.15.56.725.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*2,5 mm2	Mét	4 799,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
229	3.15.56.740.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 7*4 mm2	Mét	279,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
230	3.15.57.015.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 10*1,5 mm2	Mét	426,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
231	3.15.57.025.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 10*2,5 mm2	Mét	241,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
232	3.15.57.215.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*1,5 mm2	Mét	2 046,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
233	3.15.57.225.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*2,5 mm2	Mét	3 591,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
234	3.15.57.240.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 12*4 mm2	Mét	332,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
235	3.15.57.315.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 14*1,5 mm2	Mét	5 759,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
236	3.15.57.316.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 15*1,5 mm2	Mét	57,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
237	3.15.57.325.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 14*2,5 mm2	Mét	392,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
238	3.15.57.329.000.00.GXX	Cáp kiểm tra Cu/PVC 15*2,5 mm2	Mét	18,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
239	3.15.57.332.000.00.GXX	Cáp kiểm tra Cu/PVC 16*1,5 mm2	Mét	15,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
240	3.15.57.414.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 17*1,5mm2	Mét	47,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
241	3.15.57.415.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*1,5 mm2	Mét	2 876,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
242	3.15.57.417.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 20*1,5 mm2	Mét	22,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
243	3.15.57.423.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 17*2,5 mm2	Mét	18,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
244	3.15.57.425.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 19*2,5 mm2	Mét	786,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
245	3.15.57.432.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 20*2,5 mm2	Mét	152,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
246	3.15.57.525.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 24*2,5 mm2	Mét	12,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
247	3.15.57.625.000.00.GXX	Cáp đồng Cu/PVC 27*2,5 mm2	Mét	70,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
248	3.42.89.109.000.00.GXX	Chống sét van 110kV	Cái	3,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
249	3.50.03.008.000.00.GXX	Rơ-le quá dòng	Cái	14,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
250	3.50.32.000.000.00.GXX	Rơ-le bảo vệ khoảng cách	Cái	5,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
251	3.50.84.190.000.00.GXX	Rơ le kiểm tra điện áp	Cái	1,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
252	3.53.83.060.000.00.GXX	Biến dòng điện 35kV 31,5kA/1s 5P20	Cái	3,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
253	3.56.95.809.000.00.GXX	Máy biến điện áp 110kV	Cái	6,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
254	3.56.96.060.000.00.GXX	Biến điện áp 220kV	Cái	6,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
255	3.60.55.007.000.00.GXX	Công tơ	Cái	4,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
256	3.62.95.000.000.00.GXX	Tủ điều khiển	Cái	13,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
257	3.62.97.003.000.00.GXX	Tủ bảo vệ	Cái	23,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
258	3.62.98.080.000.00.GXX	Tủ mô phỏng DCL 110kV	Cái	1,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
259	3.63.00.005.000.00.GXX	Tủ đấu nối trung gian	Cái	2,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
260	3.94.45.061.000.00.GXX	Tủ AVR	Cái	4,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
261	3.99.07.120.000.00.GXX	Tủ máy tính chủ	Cái	1,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
262	4.07.00.000.000.00.GXX	Cửa gỗ các loại	Cái	11,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
263	5.12.04.000.000.00.BXX	Lốp xe ôtô	Cái	15,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
264	5.76.98.601.000.00.GXX	Tủ nội bộ TU	Cái	1,00	TTĐ Nghệ An, số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	XE3
265	2.05.00.000.000.00.GXX	Sắt thép các loại	Kg	561,55	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
266	2.05.00.002.000.00.AXX	Sắt phế liệu	Kg	100,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
267	2.05.00.002.000.00.DXX	Sắt phế liệu	Kg	15,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
268	2.05.00.002.000.00.GXX	Sắt phế liệu	Kg	3 204,40	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
269	2.46.09.000.000.00.GXX	Cùi sứ các loại	Cái	264,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
270	2.55.81.003.000.00.DXX	Đồng phế liệu	Kg	3,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
271	3.10.85.000.000.00.GXX	Cách điện Composite	Cái	1,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
272	3.10.85.200.000.00.GXX	Cách điện Composite 120kN	Cái	213,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
273	3.10.85.400.000.00.GXX	Cách điện Composite 160kN	Cái	470,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
274	3.10.87.002.000.00.GXX	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	843,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
275	3.15.00.001.000.00.GXX	Cáp đồng phế liệu	Kg	22,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
276	3.15.12.002.000.00.GXX	Dây điện các loại	Kg	65,10	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
277	3.15.27.240.000.00.G05	Dây nhôm AAC 240 mm2	Mét	30,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
278	3.15.28.310.000.00.GXX	Dây nhôm ACSR vụn các loại	Kg	7,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
279	3.15.33.851.000.00.D10	Dây nhôm siêu nhiệt TAL 850 mm2 vụn	Mét	225,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
280	3.20.28.000.000.00.GXX	Khung định vị	Cái	7,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
281	3.20.86.222.000.00.GXX	Kẹp cực Máy cắt	Cái	24,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
282	3.42.13.406.000.00.GXX	Dao cách ly 3 pha 35kV 630A không tiếp đất	Bộ	2,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
283	3.42.38.308.000.00.GXX	Máy cắt 35kV	Bộ	2,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
284	3.42.38.500.000.00.GXX	Máy cắt 3 pha 500kV	Bộ	2,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
285	3.50.03.008.000.00.GXX	Rơ-le quá dòng	Cái	1,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
286	3.53.93.609.000.00.GXX	Biến dòng điện 35kV	Cái	6,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
287	3.62.95.000.000.00.GXX	Tủ điều khiển	Cái	2,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
288	3.94.40.000.000.00.GXX	Thiết bị truyền dẫn quang	Cái	1,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
289	3.94.41.000.000.00.GXX	Thiết bị ghép kênh	Bộ	1,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
290	5.18.26.002.000.00.GXX	Động cơ 220V	Cái	2,00	TTĐ Hà Tĩnh, số 3 đường Nguyễn Hoành Từ, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	XE8
291	3.15.28.095.000.00.000	Dây nhôm AC 95 mm2	Mét	300,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
292	3.15.41.050.VIE.00.000	Dây chống sét TK 50 mm2	Mét	1 405,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
293	3.20.06.051.CHN.00.000	Ống nối dây chống sét TK 50	Cái	8,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
294	3.20.13.381.000.00.000	Ống nối dây dẫn ACSR 381/55	Cái	18,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
295	3.20.61.185.KOR.00.000	Khóa néo ép dây ACSR 185/29	Cái	9,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
296	3.20.80.163.000.00.000	Đầu cốt T02 FF03763	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
297	3.20.80.221.000.00.000	Đầu cốt 2M 6929-4	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
298	3.20.80.228.000.00.000	Đầu cốt 14M 6424	Cái	1,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
299	3.20.86.250.UKR.00.000	Đầu cốt nhôm A4A 400-2	Cái	23,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
300	5.80.25.501.VIE.00.000	Phụ kiện đấu nối	Bộ	4,00	Kho Hà Đông, ngõ 14 đường Quang Trung, phường Dương Nội, Hà Nội	X92
301	3.10.91.000.CHN.00.000	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	71,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
302	3.10.91.580.000.00.000	Cụm bắt chuỗi néo UBT-21T	Cái	8,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
303	3.20.45.106.000.00.000	Mắt nối đơn MN1-6	Cái	25,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
304	3.20.45.116.CHN.00.000	Mắt nối đơn W1-16	Cái	3,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
305	3.20.45.123.IND.00.000	Mắt nối đơn HSC/4000	Cái	2,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
306	3.20.45.935.000.00.000	Mắt nối chuyển hướng 182 909-230	Cái	4,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
307	3.20.65.118.000.00.000	Vòng treo đầu tròn 2125	Cái	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
308	3.20.65.126.000.00.000	Vòng treo đầu tròn SE 165+ BEA 165	Cái	13,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
309	3.20.65.190.CHN.00.000	Vòng treo đầu tròn ABE-12	Cái	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
310	3.20.65.324.000.00.000	Vòng treo đầu tròn QH-12	Cái	1,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
311	4.35.14.050.VIE.00.000	Bu lông thép M14x50mm	Bộ	76,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDO
312	3.20.27.574.KOR.00.000	Kẹp rẽ nhánh chữ T 2 dây nhôm 630 mm2 với 2 dây nhôm 630 mm2	Cái	3,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDQ

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã kho
313	3.20.45.400.CHN.00.000	Mắt nối điều chỉnh	Cái	41,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDQ
314	3.20.86.133.000.00.000	Kẹp cực S82 P5 35	Cái	2,00	TTĐ Tây Bắc 2, số 17 ngõ 70 đường Lê Trọng Tấn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	XDQ
		Tổng cộng		**314**		